

Số: 16 /CNVL

“ Báo cáo thường niên năm 2018”

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Trụ sở chính: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 070.3822583

Fax: 070.3829432

Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Tấn Chiến

Địa chỉ: Số 59/1 Đường Phạm Thái Bường, Phường 4, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0916804444 - 0703 822583

Fax: 070.3829432

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2018

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn [www.capnuocvl.com.vn](http://www.capnuocvl.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu;

**THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**ĐẶNG TẤN CHIẾN**



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
- Tên tiếng Anh: Vinh Long water supply joint stock company
- Tên viết tắt: VWACO
- Địa chỉ: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: 0270. 382 2583
- Số fax: 0270. 382 9432
- Website: [www.capnuocvl.com.vn](http://www.capnuocvl.com.vn)
- Mã cổ phiếu: VLW
- Sàn giao dịch: Upcom

Tháng 04/2019







Vĩnh Long, ngày 05 tháng 04 năm 2019

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

(Theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

- Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
- Tên tiếng Anh: VINH LONG WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: VWACO

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500174831
- Vốn điều lệ: 289.000.000.000 đồng; số lượng cổ phần 28.900.000 cổ phần; mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2018 như sau:

- + Vốn nhà nước: 213.995.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 74,05 %
- + Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần là 75.005.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 25,95 %
- Địa chỉ: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: (0270) 382 2583
- Số fax: (0270) 382 9432
- Website: www.capnuocvl.com.vn
- Mã cổ phiếu: VLW
- Sàn giao dịch: Upcom
- Ngày 14/03/2019 UBND tỉnh Vĩnh Long đã thoái vốn thành công 6.660.500 cổ phần tương ứng 23,05% vốn điều lệ, đến thời điểm lập báo cáo này vốn nhà nước còn nắm giữ 14.739.000 cổ phần tương ứng 51% vốn điều lệ.

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long được thành lập năm 1936 với tên gọi ban đầu là nhà máy nước Hưng Đạo Vương công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nhà máy được thành lập nhằm mục đích cấp nước phục vụ sinh hoạt cho người dân tại Thị xã Vĩnh Long.
- Năm 1957 nhà máy được cải tạo, mở rộng nâng công suất lên 2.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Năm 1960 nhà máy tiếp tục xây dựng thêm, nâng công suất lên 4.800 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Sau năm 1975, Công ty Cấp nước Cửu Long được hình thành trên cơ sở tiếp quản các hệ thống cấp nước của Ty Cấp thủy Vĩnh Long để lại bao gồm: HTCN Thị xã Vĩnh Long có 02 nhà máy nước gồm nhà máy nước Hưng Đạo Vương, nhà máy nước Cầu Vòng và các hệ thống cấp nước tập trung tại các huyện Vũng Liêm, Trà Ôn và Bình Minh. Tổng quy mô công suất của toàn hệ thống là 6.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm.



- Ngày 04/07/1992, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 216/QĐ-UBT thành lập Công ty Công trình Đô thị Vĩnh Long, trong đó bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh là kinh doanh phát triển nhà ở, vỉa hè, công viên cây xanh và thoát nước.
- Ngày 12/06/1995, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 773/QĐ-UBT về việc đổi tên Công ty Công trình Đô thị Vĩnh Long thành Công ty Cấp nước tỉnh Vĩnh Long với chức năng, nhiệm vụ chính là sản xuất kinh doanh nước sạch; thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án cấp nước.
- Ngày 19/02/2008, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 295/QĐ-UBT về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước tỉnh Vĩnh Long thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh nước sạch, nước uống đóng chai; tư vấn xây dựng: thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng; thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án cấp nước.
- Thực hiện chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, ngày 13/03/2015, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 378/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2014 – 2015.
- Ngày 26/02/2016, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 401/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long.
- Ngày 12/05/2016, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 1058/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa.
- Ngày 31/05/2016 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chính thức đi vào hoạt động với hình thức Công ty cổ phần.
- Ngày 29/09/2016 Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước công nhận là Công ty Đại chúng.
- Ngày 23/12/2016 UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 3090/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp, Báo cáo tài chính đã kiểm toán và nộp phần chênh lệch vốn nhà nước về Quỹ quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.
- Ngày 20/01/2017 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 29/2017/GCNCP-VSD, số lượng cổ phiếu đăng ký là 28.900.000 cổ phiếu
- Ngày 10/07/2017 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 518/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long; ngày 17/07/2017 Cổ phiếu VLW của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

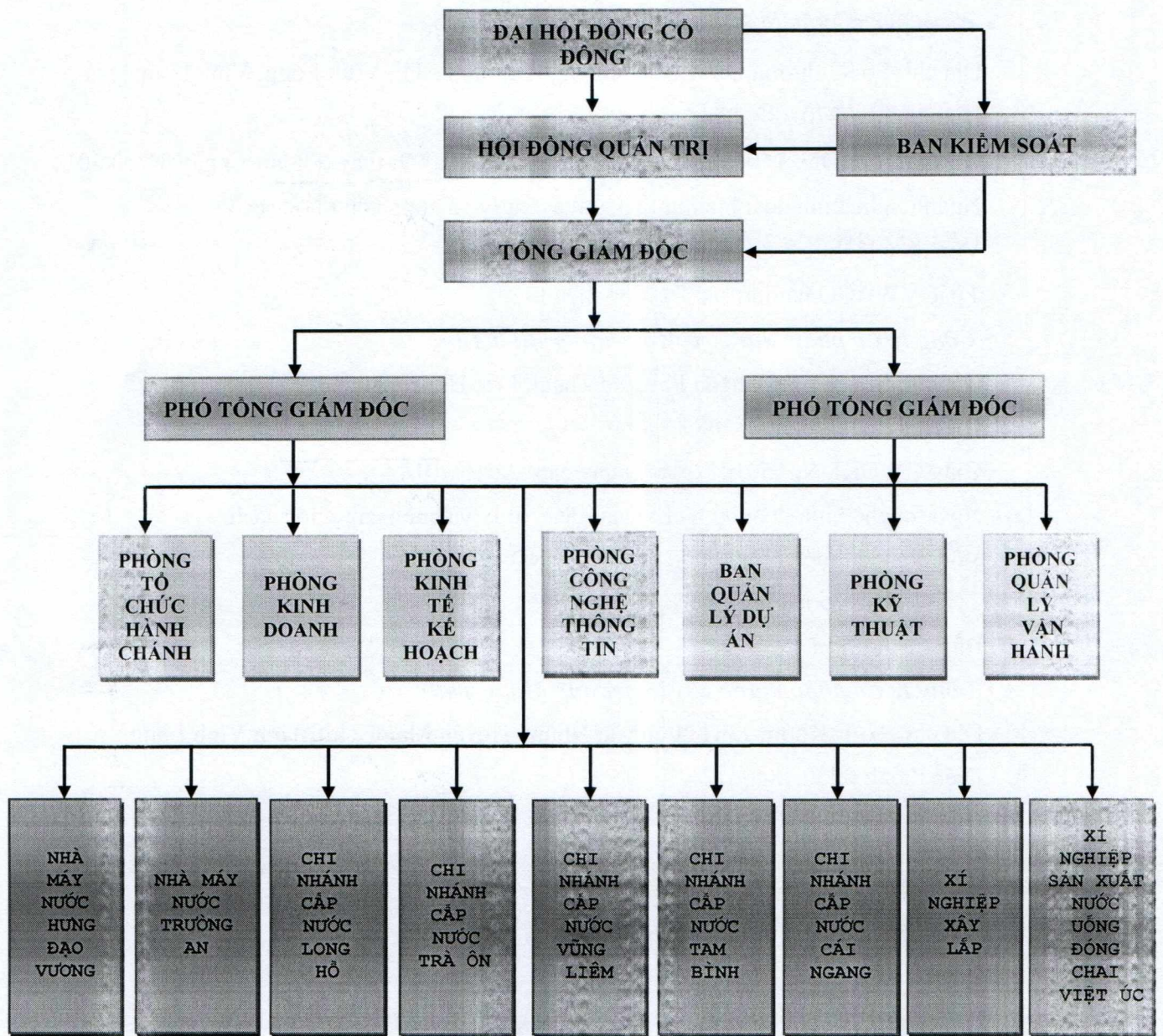
### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Sản xuất nước uống đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh các dự án cấp nước; dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng; kinh doanh thiết bị, vật tư chuyên ngành nước.
- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Vĩnh Long, Huyện Long Hồ, Huyện Vũng Liêm, Huyện Tam Bình, Huyện Trà Ôn và khu Công nghiệp Hòa Phú.



#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

##### 4.1 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý.





## 4.2 Các Công ty con, Công ty liên kết:

### a) Công ty liên kết:

#### ♦ Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long

Địa chỉ: Số 93 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3822074

Giấy CN ĐKDN: 1500590493 - ngày cấp: 04/05/2009; thay đổi lần 1 ngày 31/10/2014

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác xử lý và cung cấp nước sạch

Vốn điều lệ thực góp: 9.000.000.000 đồng

Tỷ lệ VWACO nắm giữ: 20% Vốn điều lệ

#### ♦ Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân

Địa chỉ: Số 3530 ấp Thành Phú, Xã Thành Lợi, Huyện Bình Tân, Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3753 368

Giấy CN ĐKDN: 1501012456 - ngày cấp: 22/10/2014

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác xử lý và cung cấp nước sạch

Vốn điều lệ thực góp: 20.000.000.000 VND

Tỷ lệ VWACO nắm giữ: 25% Vốn điều lệ

### b) Đầu tư dài hạn

#### ♦ Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Mang Thít

Địa chỉ: Tổ 1, Khóm 1, Thị trấn Cái Nhum, Huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3840612

Giấy CN ĐKDN: 1500679215 - ngày cấp: 06/04/2010, thay đổi lần 1 ngày 04/11/2013

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác xử lý và cung cấp nước sạch; Kinh doanh vật tư ngành cấp thoát nước và môi trường

Vốn điều lệ thực góp: 2.000.000.000 VND

Tỷ lệ VWACO nắm giữ: 15% Vốn điều lệ

## 5. Định hướng phát triển

### 5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng bền vững.

- Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định và đề nghị các ngành liên quan tham mưu trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

- Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Để đạt được kế hoạch trên, công ty sẽ tập trung mở rộng vùng phục vụ, tìm kiếm các đối tác mới nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận.

- Tiếp tục thực hiện đề án giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch. Đầu tư trang bị máy móc thiết bị phục vụ sản xuất theo hướng hiện đại hoá.



- Huy động mọi nguồn vốn của các tổ chức gồm: Ngân hàng, Quỹ đầu tư tài chính, vốn Nhà nước hoặc mở rộng hình thức liên doanh, liên kết để thực hiện các dự án. Ưu tiên các nguồn vốn để đầu tư, nâng cấp thiết bị, công nghệ hiện đại, tiên tiến để nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

Thực hiện Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 về “Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050” và nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Vĩnh Long, Công ty đang thực hiện “Đồ án quy hoạch tổng thể hệ thống cấp nước vùng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”, cụ thể theo từng giai đoạn như sau:

### **• Giai đoạn đến năm 2020**

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị từ loại IV trở lên đạt 99%, các đô thị loại V đạt 98% với tiêu chuẩn cấp nước 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu áp lực và lưu lượng.

- Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 45%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch dưới 18% đối với các đô thị loại IV trở lên, dưới 25% đối với các đô thị loại V; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày đối với các đô thị loại IV trở lên và cấp nước phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế đối với đô thị loại V.

### **• Giai đoạn đến năm 2025**

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị đạt 100%, với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn quy định; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu áp lực và lưu lượng.

- Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 75%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch tại các đô thị dưới 15%; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày.

### **• Tầm nhìn đến năm 2030-2050.**

Đáp ứng mọi nhu cầu và bảo đảm cấp nước an toàn cho sinh hoạt và sản xuất của đô thị, khu dân cư tập trung và khu công nghiệp.

## **5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

- Cam kết bảo vệ môi trường và giữ vững môi trường sản xuất sạch phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định của nhà nước

- Sản phẩm đạt chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Thực hiện tốt an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất và kinh doanh

- Tuyên truyền bảo vệ nguồn nước sạch

- Tham gia hướng ứng tích cực các chương trình chăm lo đời sống cộng đồng

## **6. Các rủi ro**

### **6.1. Rủi ro kinh tế**

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước và thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế của của Công ty cũng như sự phát triển của ngành, của khu vực.

Do nước sạch được xếp vào dạng hàng hóa sinh hoạt thiết yếu, gắn liền với quá trình phát triển đất nước và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển đầu tư của Chính phủ. Tuy nhiên do biến động bất thường của tình hình kinh tế thế giới và tình hình kinh tế trong nước trong



thời gian qua như biến động giá xăng dầu, giá điện, giá nguyên vật liệu đầu vào và tình hình tài chính tiền tệ đã ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

## **6.2 Rủi ro về giá**

Đặc thù ngành cung cấp nước là ngành dịch vụ công ích và thuộc sự kiểm soát giá của Nhà nước. Do đó giá bán nước sạch do UBND tỉnh quy định, Công ty không được chủ động điều chỉnh một khi có sự biến động lớn các yếu tố sản xuất đầu vào làm tăng giá thành sản phẩm công ty phải lập phương án trình các cơ quan chức năng thẩm định và lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động của việc điều chỉnh giá nước.

Vì vậy Công ty chịu rủi ro về giá khá cao nếu không kiểm soát được tỷ lệ thất thoát nước, chi phí nguyên vật liệu sản xuất, chi phí quản lý, chi phí đầu tư và chi phí vận hành hệ thống mạng lưới ống phân phối thì nguy cơ tăng chi phí, giảm lợi nhuận là rất lớn.

## **6.3 Rủi ro nguyên liệu sản xuất đầu vào**

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là nguồn nước mặt khai thác trực tiếp từ sông tiền và sông hậu nhưng do địa phận tỉnh Vĩnh Long nằm ở hạ nguồn sông Mekong nên hàng năm chịu sự biến đổi khí hậu làm nguồn nguyên liệu nước thô bị nhiễm mặn và tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng do sản xuất nông nghiệp và công nghiệp đang tạo ra thách thức không nhỏ cho Công ty trong việc đảm bảo nguồn nước sạch cho sản xuất.

## **6.4 Rủi ro tỷ lệ thất thoát nước**

Tỷ lệ thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu, nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, kênh, rạch ...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn. So sánh với các tỉnh trong cùng khu vực và cả nước, tỷ lệ thất thoát nước tại Vĩnh Long luôn nằm trong nhóm có tỷ lệ thất thoát trung bình. Nguyên nhân là do hệ thống đường ống cấp nước ở nhiều đô thị quá cũ, có nhiều tuyến ống trên 30 năm sử dụng, mạng lưới đường ống phân phối trải rộng khi bị rò rỉ khó phát hiện. Một bộ phận người dân còn thiếu ý thức chấp hành quy định khi sử dụng nước còn gian lận dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát.

Ngoài ra tỷ lệ thất thoát nước cao đã làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty như hao phí nguyên vật liệu và thất thu tài nguyên nước.

## **6.5 Rủi ro luật pháp**

Tuân thủ quy định pháp luật là một trong những tiêu chí hàng đầu, là kim chỉ nam trong việc định hướng hoạt động của Công ty. Với những đặc thù của Công ty cổ phần hoạt động trong ngành cấp nước, những hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, Luật Tài nguyên nước, Luật bảo vệ môi trường, v.v... cùng với các quy định, tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng nguồn nước. Tuy nhiên, do hệ thống pháp luật Việt Nam và cơ chế quản lý đang trong quá trình hoàn thiện nên các rủi ro về mặt pháp lý vẫn luôn hiện hữu và đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động trong công tác nghiên cứu, cập nhật nhanh chóng các quy định pháp lý để vận dụng phù hợp, hạn chế những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đang trong giai đoạn đầu hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, những thay đổi về luật pháp phần nào ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và công tác quản trị.

## **6.6 Rủi ro khác**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu các rủi ro liên quan đến biến động tình hình chính trị, xã hội, biến đổi khí hậu, thiên tai, bệnh dịch... làm ảnh hưởng đến mức độ ổn định, an toàn trong sản xuất và nhu cầu của khách hàng. Các rủi ro này có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng đề phòng, xây dựng các giải pháp ứng phó đối với các rủi ro bất khả kháng khác nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại, giữ an toàn về người, tài sản và hoạt động cho Công ty.



## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m <sup>3</sup>	15.200.000	15.376.759	101,16%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu/đ	133.900	140.007	104,56%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu/đ	28.765	33.538	116,59%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu/đ	25.275	31.652	125,23%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu/đ	10.381	11.401	109,82%
6	Tiền lương bình quân	Triệu/đ	7,82	8,01	102,52%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn điều lệ	%	8,75%	10,95%	125,23%
8	Vốn điều lệ	Triệu/đ	289.000	289.000	100,00%

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1 Danh sách Ban điều hành

##### **Ông Nguyễn Tấn Phát**

Chức vụ: TV HĐQT – Tổng Giám đốc  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 03/03/1963  
Số CMND: 330696195  
Cấp ngày: 03/08/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long  
Quê quán: Xã Long An - Huyện Cần Giuộc - Tỉnh Long An  
Địa chỉ thường trú: 54/A6 Đường Nguyễn Huệ - Phường 2 - Thành phố Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long  
Trình độ học vấn: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô Thị  
Số cổ phần nắm giữ, đại diện 4.339.800 tương ứng 15,017% VDL  
+ Cá nhân sở hữu 57.400 CP tương ứng 0,199% VDL  
+ Đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long sở hữu 4.279.900 CP tương ứng 14,809% VDL

##### **Ông Trần Văn Bản**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 18/08/1960  
Số CMND: 331170067  
Cấp ngày: 14/04/2014 Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long  
Quê quán: Xã Tân Long Hội, Huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long



Địa chỉ thường trú:	57/22/2 Phạm Thái Bường, Phường 4, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Trình độ học vấn:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư đô thị
Số cổ phần nắm giữ, đại diện	56.100 tương ứng 0,194% VDL
+ Cá nhân sở hữu	56.100 tương ứng 0,194% VDL
+ Đại diện sở hữu	Không có

### **Ông Nguyễn Quốc Đạt**

Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	1970
Số CMND:	331715252
Cấp ngày: 24/02/2011	Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long
Quê quán:	Xã Hậu Lộc Huyện Tam Bình Tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú:	94/9 Đường Lê Thái Tổ, P2, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Trình độ học vấn:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Đô Thị
Số cổ phần nắm giữ, đại diện	7.700 tương ứng 0,027 % VDL
+ Cá nhân sở hữu	7.700 tương ứng 0,027 % VDL
+ Đại diện sở hữu	Không có

### **Bà Bùi Thiện Ngọc Minh**

Chức vụ:	TV HĐQT - Kế toán trưởng
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	30/01/1977
Số CMND:	331141835
Cấp ngày: 31/03/2010	Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long
Quê quán:	Ấp 1 - Xã Tân Quới Trung - Huyện Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú:	Ấp 1 - Xã Tân Quới Trung - Huyện Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long
Trình độ học vấn:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản lý kinh tế
Số cổ phần nắm giữ, đại diện	16.400 tương ứng 0,057% VDL
+ Cá nhân sở hữu	16.400 tương ứng 0,057% VDL
+ Đại diện sở hữu	Không có



## 2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: (không có)

## 2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2018:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>245</b>	<b>100%</b>
1	Đại học và trên Đại học	86	35,10%
2	Cao Đẳng, Trung cấp	92	37,55%
3	Được đào tạo nghề	66	26,94%
4	Chưa qua đào tạo	1	0,41%
<b>II</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>245</b>	<b>100%</b>
1	Nam	206	84,08%
2	Nữ	39	15,92%

## 2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

### a) Chính sách tuyển dụng

Với tiêu chí lấy người lao động làm nền tảng và động lực cho sự phát triển của công ty, Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng đầu vào, đảm bảo đủ năng lực và trình độ phục vụ cho định hướng phát triển của công ty.

### b) Chính sách đào tạo

Đầu tư và phát triển con người là một trong những yếu tố cốt lõi của công ty nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội. Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ với các nội dung thiết thực, nhằm ứng dụng tốt trong thực tiễn công tác.

### c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty luôn quan tâm đến chế độ lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động, tạo động lực cho sự phát triển của mỗi cá nhân, phần đầu góp phần vào sự phát triển của công ty. Là doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước chi phối, do đó chính sách tiền lương, tiền thưởng công ty thực hiện theo quy định của Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTB-XH ngày 01/09/2016.

Đề tạo động lực thúc đẩy người lao động thi đua lao động sản xuất, sáng kiến cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, Công ty xây dựng và ban hành quy chế tiền lương, thưởng quy định thêm chính sách khen thưởng như: Thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong công tác; thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật; thưởng hoàn thành dự án trước tiến độ.

Ngoài ra, Công ty còn vận động, tạo sự gắn bó mật thiết giữa công nhân lao động và cấp quản lý nhằm tạo môi trường làm việc vui vẻ, tăng động lực làm việc cho toàn thể công nhân viên lao động. Luôn quan tâm, chăm sóc sức khỏe của người lao động một cách đúng mức, đảm bảo tốt các quyền lợi của người lao động như: các chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ,...

Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức các buổi sinh hoạt truyền thống, sinh nhật tập thể và các chuyến đi nghỉ mát nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thời gian thư giãn sau những giờ làm việc căng thẳng, tạo nên sự gắn kết trong nội bộ công ty.

### d) Mức lương bình quân: 8,01 triệu đồng/ người/tháng

### e) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động



- Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày và 44 giờ/tuần.
- Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: theo quy định của pháp luật.
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc 100% cho người lao động.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khoẻ cho toàn thể người lao động trong Công ty mỗi năm một lần.

**f) Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên.**

Mọi cá nhân trong Công ty nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật lao động, thuế, các nội quy, quy chế, thỏa ước đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, chấp hành tốt nội qui Công ty, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

**g) Chính sách cổ tức**

Hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Năm 2018: Hội đồng quản trị dự kiến mức chi trả cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 6%/ Vốn điều lệ.

**3. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản**

- Phát triển mở rộng mạng lưới ống phân phối và khách hàng năm 2018
  - + Ống phân phối: 73.404 m với giá trị 17.504 triệu đồng.
  - + Lắp đặt mới đồng hồ nước: 4.691 chiếc với giá trị 7.757 triệu đồng
- Thay thế đồng hồ kiểm định định kỳ 05 năm/lần: 13.254 chiếc, với giá trị 6.892 triệu đồng
- Công tác triển khai thực hiện các dự án cấp nước:
  - + Dự án quy hoạch tổng thể HTCN đô thị tỉnh Vĩnh Long năm 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với tổng mức đầu tư 1,9 tỷ đồng, đến 31/12/2018 đã thực hiện 568 triệu đồng.
  - + Dự án xây dựng hồ chứa nước thô NMN Vũng Liêm, tổng mức đầu tư 17,5 tỷ đồng, đến 31/12/2018 đã giải ngân 14.999 triệu đồng (trong đó tiền bồi thường giải tỏa mặt bằng cho các hộ dân là 14.539 triệu đồng).
  - + Dự án đầu tư xây dựng bể chứa nước sạch Trạm CN Long Hồ W=1.500 m<sup>3</sup>, Tổng mức đầu tư 6,5 tỷ đồng đến 31/12/2018 đã thực hiện 5.659 triệu đồng.
  - + Dự án xây dựng tuyến ống cấp nước về khu công nghiệp Hòa Phú (Đoạn từ vòng xoay Quốc lộ 1A - Đinh Tiên Hoàng đến khu công nghiệp Hòa Phú), Tổng mức đầu tư 23,3 tỷ đồng đến 31/12/2018 đã thực hiện 201 triệu đồng.



#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	424.042	432.828	102,07%
2	Doanh thu thuần	117.300	130.424	111,19%
3	Giá vốn hàng bán	51.483	53.421	103,76%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	7.785	8.650	111,11%
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	27.958	33.528	119,92%
6	Lợi nhuận khác	8.108	11	0,13%
7	Lợi nhuận trước thuế	36.066	33.538	92,99%
8	Lợi nhuận sau thuế	30.838	31.652	102,64%
9	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	6,00%	6,00%	100,00%

##### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,78	3,83
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2,55	3,55
<b>2. Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Hệ số nợ / Tổng tài sản	%	29,67	25,69
Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	%	42,19	34,58
<b>3. Năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,46	4,49
Doanh thu thuần / Tổng Tài sản	Lần	0,28	0,30
<b>4. Khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	26,29	24,27
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10,36	9,86
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,27	7,31
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	23,83	25,71

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### 5.1 Cổ phần:

- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 28.900.000 cổ phần
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: 1.948.200 cổ phiếu. Trong đó:



- Cổ đông chiến lược: 1.445.000 cổ phiếu. Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 5 năm. Căn cứ vào Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/07/2011 và Công văn cam kết của cổ đông chiến lược.

- Người lao động cam kết làm việc lâu dài: 503.200 cổ phiếu. Thời gian hạn chế chuyển nhượng được căn cứ vào Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/07/2011 và Đơn đăng ký mua cổ phần của người lao động

- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

### 5.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2018.

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp (%)
I	Cổ đông Nhà nước	1	21.399.500	74,05%
II	Cổ đông trong nước	280	7.500.500	25,95%
1	Cá nhân	278	1.610.119	5,57%
2	Tổ chức	2	5.890.381	20,38%
III	Cổ đông nước ngoài	0	-	-
IV	Cổ phiếu quỹ	0	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>281</b>	<b>28.900.000</b>	<b>100,00%</b>

### 5.3 Cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của công ty

STT	Tên cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	UBND Tỉnh Vĩnh Long	1132/QĐ-UBND	88 Hoàng Thái hiếu, Phường 1, Tp Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	21.399.500	74,05%
2	Công ty cổ phần đầu tư Đà Nẵng-Miền Trung	0400578412	484-486 Đường 2 tháng 9- Hòa Cường Nam- Hải Châu- T/p Đà Nẵng	4.445.381	15,38%
3	Công ty cổ phần cấp nước Đồng Bằng	305246086	1/6 Trương Quyền, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	1.445.000	5,00%
4	Cổ đông khác			1.610.119	5,57%
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>28.900.000</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn Danh sách cổ đông chốt ngày 22/01/2019 của Trung tâm lưu ký chứng khoán)



5.4 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.5 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.6 Các chứng khoán khác: Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ %
<b>1</b>	<b>Doanh thu</b>		<b>133.900</b>	<b>140.007</b>	<b>104,56%</b>
1.1	Nước sạch	Triệu/đ	119.013	120.291	101,07%
1.2	Nước uống đóng chai Việt Úc	Triệu/đ	5.268	4.912	93,25%
1.3	Xây lắp	Triệu/đ	3.800	4.847	127,55%
1.4	Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước	Triệu/đ	220	374	169,83%
1.5	Hoạt động tài chính	Triệu/đ	5.004	8.650	172,87%
1.6	Hoạt động khác	Triệu/đ	595	932	156,67%
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận</b>		<b>28.765</b>	<b>33.538</b>	<b>116,59%</b>
2.1	Nước sạch	Triệu/đ	22.633	24.120	106,57%
2.2	Nước uống đóng chai Việt Úc	Triệu/đ	650	306	47,13%
2.3	Xây lắp	Triệu/đ	533	580	108,80%
2.4	Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước	Triệu/đ	23	32	138,40%
2.5	Hoạt động tài chính	Triệu/đ	4.837	8.489	175,50%
2.6	Hoạt động khác	Triệu/đ	89	11	12,25%
<b>3</b>	<b>Nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>Triệu/đ</b>	<b>10.381</b>	<b>11.401</b>	<b>109,82%</b>

#### 2. Tình hình tài chính

##### 2.1 Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ %
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu/đ	145.771	153.105	105,03%
2	Tài sản dài hạn	Triệu/đ	278.271	279.723	100,52%
	<b>Tổng Tài sản</b>		<b>424.042</b>	<b>432.828</b>	<b>102,07%</b>

##### 2.2 Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ %
1	Nợ phải trả	Triệu/đ	125.813	111.208	88,39%
	- Nợ ngắn hạn	Triệu/đ	52.415	39.943	76,21%
	- Nợ dài hạn	Triệu/đ	73.398	71.265	97,09%
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu/đ	298.228	321.620	107,84%
	<b>Tổng nguồn vốn</b>		<b>424.042</b>	<b>432.828</b>	<b>102,07%</b>



### 3. Phân phối lợi nhuận

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %		Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 (đồng)
		Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	
1	Trích quỹ đầu tư và phát triển	5%/LNST	5%/LNST	1.582.600.300
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động	25%/LNST	25%/LNST	7.913.001.499
3	Trích quỹ khen thưởng đối với người quản lý	1,5%/LNST	1,1%/LNST	347.400.000
4	Chia cổ tức cho các cổ đông	5%/VĐL	6%/VĐL	17.340.000.000
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2018			4.469.004.198

- Đối với Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng đối với người quản lý Công ty chuyên trách trích tối đa theo tỷ lệ % trên, nhưng tổng số tiền trích quỹ không vượt quá quy định tại Điều 18, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2017 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế từ các năm trước còn đến ngày 31/12/2018 là 4.934.524.351 đồng (trong đó năm trước là 465.520.153 đồng; năm 2018 là 4.469.004.198 đồng).

### 4. Kế hoạch phát triển năm 2019

#### 4.1 Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m <sup>3</sup>	15.376.759	16.000.000	104,05%
2	Tỷ lệ thất thoát nước	%	21,50	20,50	95,35%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu/đ	140.007	159.840	114,17%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu/đ	33.538	38.533	114,89%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu/đ	31.652	36.752	116,11%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu/đ	11.401	12.815	112,41%
7	Tiền lương bình quân	Triệu/đ	8,01	8,45	105,47%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn điều lệ	%	10,95%	12,72%	116,11%
9	Vốn điều lệ	Triệu/đ	289.000	289.000	100,00%



#### 4.2 Phân phối lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019
1	Trích quỹ đầu tư và phát triển	5%/LNST
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động	25%/LNST
3	Trích quỹ khen thưởng đối với người quản lý	1,5%/LNST
4	Chia cổ tức cho các cổ đông	6%/VĐL

- Đối với Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng đối với người quản lý Công ty chuyên trách trích tối đa theo tỷ lệ % trên, nhưng tổng số tiền trích quỹ không vượt quá quy định tại Điều 18, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2017 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

#### 4.3 Tổng mức đầu tư XDCB:

STT	Tên dự án/công trình	ĐVT	Giá trị đầu tư
1	Các dự án XDCB	Triệu/đ	30.500
2	Mở rộng mạng lưới phân phối	Triệu/đ	9.871
3	Đầu nối đồng hồ nước hộ khách hàng	Triệu/đ	6.054
4	Thay thế đồng hồ kiểm định	Triệu/đ	5.596
5	Duy trì đầu nối hộ khách hàng	Triệu/đ	3.919
6	Sửa chữa lớn tài sản cố định	Triệu/đ	8.668
7	Thay thế, bảo trì duy tu bảo dưỡng	Triệu/đ	2.701
	<b>Tổng cộng</b>		<b>67.308</b>

#### 4.4 Các giải pháp thực hiện

##### a) Về quản lý sản xuất:

Quản lý vận hành tốt các nhà máy sản xuất: Thực hiện có hiệu quả công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào.

Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo luật Tài nguyên nước.

Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

##### b) Về doanh thu và chi phí:

Hoàn chỉnh các thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước giai đoạn 2015-2020, phối hợp với các địa phương để mở rộng vùng phục vụ để phát triển mạng lưới cấp nước nhằm tăng lượng khách hàng sử dụng nước, tăng cường quản lý khách hàng tiềm năng.

Hạch toán bảo đảm tính đúng, tính đủ các khoản mục chi phí sản xuất vào giá thành nước sạch như: chi phí đầu nối hộ khách hàng theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, chi phí duy trì đầu nối, chi phí hoàn trả vốn vay, lãi vay, chi phí thực hiện cấp nước an toàn, ...



Thực hiện tốt công tác dịch vụ, chăm sóc khách hàng, triển khai các biện pháp chống thất thoát nước, tổ chức quản lý theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO.

Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.

### **c) Về phòng chống thất thoát nước**

Tích cực thực hiện công tác phòng, chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm giảm tỷ lệ thất thoát theo kế hoạch năm 2019 là 20,5% bằng các biện pháp cụ thể như:

Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng hồ đạt tiêu chuẩn cao; kiểm định đầu vào, kiểm định định kỳ; thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định; tăng cường kiểm tra chống thất thoát qua đồng hồ.

Khai thác, sử dụng tối đa phần mềm GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.

Xây dựng kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước cho từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

Xây dựng chương trình phối hợp cộng đồng trong việc bảo vệ tài sản mạng đường ống cấp nước và phòng chống thất thoát nước.

Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực và xử lý sự cố, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng, kịp thời.

### **d) Về tiết kiệm chi phí điện năng**

Vận hành máy bơm nước và các thiết bị xử lý nước vào giờ thấp điểm có giá điện thấp để dự trữ nước tại các bể chứa, sau đó bơm ra mạng lưới vào giờ cao điểm từ bể chứa hạn chế vận hành trạm bơm cấp I vào giờ cao điểm trừ trường hợp thiếu áp phải bơm tăng cường nhằm hạn chế sản lượng điện vào giờ cao điểm có giá điện cao.

Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng máy bơm hao tổn ít điện năng nhằm giảm chi phí tiền điện.

Lắp đặt biến tần và các thiết bị kiểm soát áp lực để hạn chế điện năng tiêu thụ.

Lắp đặt tụ bù và các thiết bị chống sét đảm bảo tiết kiệm điện và an toàn thiết bị.

Phát động phong trào sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giảm chi phí điện, tiết kiệm điện năng và mua bảo hiểm rủi ro cháy nổ các thiết bị điện.

### **e) Về tài chính**

Tập trung tích lũy vốn để có một tiềm lực tài chính mạnh, đủ tầm vóc để thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân khu vực TP Vĩnh Long và các huyện trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các giải pháp như: Phân kỳ đầu tư, dùng nguồn vốn từ khấu hao, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế và các nguồn vốn vay.

### **f) Các giải pháp khác**

Thực hiện tốt các bước trong quy trình xây dựng cơ bản, thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên thứ tự hiệu quả đầu tư và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

Chống lãng phí về thời gian lao động: xây dựng định mức, định biên lại các công việc tại các Phòng, Ban, Đội để giảm chi phí và tăng thu nhập.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất và quản lý nhằm giảm chi phí, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng dịch vụ, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung đủ nhân lực theo định hướng sử dụng lao



động thời vụ; tiến hành sắp xếp cải tiến công việc, định mức lại công việc và thực hiện khoán chi phí cho các Chi nhánh, Xí nghiệp, Nhà máy.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

##### 1.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	424.042	432.828	102,07%
2	Doanh thu thuần	117.300	130.424	111,19%
3	Giá vốn hàng bán	51.483	53.421	103,76%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	7.785	8.650	111,11%
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	27.958	33.528	119,92%
6	Lợi nhuận khác	8.108	11	0,13%
7	Lợi nhuận trước thuế	36.066	33.538	92,99%
8	Lợi nhuận sau thuế	30.838	31.652	102,64%
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	799	809	101,28%

##### 1.2 Các mặt hoạt động của Công ty

Thực hiện tốt công tác vận hành, khai thác hệ thống cấp nước và công tác đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, cụ thể sản lượng nước sạch tiêu thụ năm 2018 đã sản xuất và cung cấp đến người tiêu dùng 15.376.759 m<sup>3</sup> đạt 101,16% so với kế hoạch, lắp đặt phát triển khách hàng tăng thêm 4.691 hộ, nâng tổng hộ sử dụng nước tính đến ngày 31/12/2018 là 68.749 hộ trong toàn đô thị Tỉnh (không tính Bình Minh, Bình Tân và Mang Thít). Nâng tỷ lệ dân số được cấp nước sạch trên địa bàn đô thị tỉnh Vĩnh Long lên 99,1% với mức cung cấp nước sạch bình quân khu vực đô thị là 109 lít/người/ngđ đạt và vượt mục tiêu quốc gia.

Thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ và khắc phục các sự cố hư hỏng, duy trì sự hoạt động cấp nước liên tục tại các đô thị đảm bảo cung cấp nước cho nhân dân trong sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn đô thị tỉnh Vĩnh Long.

Tuy nhiên, Công ty vẫn còn vướng phải các vấn đề khó khăn nhất định như: Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án đầu tư hệ thống cấp nước gặp rất nhiều khó khăn, thời gian kéo dài.

Áp lực về chỉ tiêu trả cổ tức hàng năm bắt buộc Công ty phải thực hiện chính sách quản trị doanh nghiệp thật tốt, tính toán và thực hiện giảm tối đa chi phí để tăng lợi nhuận. Nhưng bên cạnh đó vẫn phải đảm bảo nguồn trích khấu hao để trả nợ gốc vốn vay, đảm bảo tiền lương cho người lao động và trả lãi vay Ngân hàng.

Nguồn vốn để thực hiện các dự án phát triển mạng trước đây chủ yếu là nguồn vốn Ngân sách. Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ phải tiếp tục thực hiện bằng các nguồn vốn vay tín dụng và nguồn vốn tự có của Công ty nên đòi hỏi Công ty phải cân đối, phân kỳ đầu tư, ưu tiên các dự án thực hiện trước nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của nhân dân và hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp.



### **1.3 Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long ngày 23/04/2018, Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong năm 2018 Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo tài chính hàng quý, năm. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **2. Định hướng của Hội đồng quản trị**

- Chỉ đạo quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.
- Tăng cường công tác dự báo tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng vùng phục vụ của công ty.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao và nhiệt quyết trong công việc, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định, quy chế quản trị nội bộ, đặt biệt là việc xây dựng và ban hành bộ định mức đối với hoạt động xây lắp và sản xuất nước sạch, nước đóng chai... đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí đến từng bộ phận, trả lương theo năng suất và hiệu quả công việc.
- Phấn đấu đạt tỷ lệ hộ dân cấp nước theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tập trung thực hiện cấp nước an toàn, đầu tư có chiều sâu để giảm tỷ lệ thất thoát nước, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của tất cả khách hàng trên địa bàn tỉnh.
- Tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.
- Chỉ đạo điều hành tái cơ cấu toàn diện công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, hiệu quả trong điều hành tập trung vào các hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh nước sạch đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác đầu tư ở những lĩnh vực cho phép.
- Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật.



## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	185.200	0,64%
			- Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long	17.119.600	59,24%
2	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc	- Cổ phần cá nhân sở hữu	57.400	0,20%
			- Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long	4.279.900	14,81%
3	Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng	- Cổ phần cá nhân sở hữu	16.400	0,06%
4	Lê Thị Quyên	Thành viên HĐQT; Trưởng phòng TCHC; Chủ tịch công đoàn	- Cổ phần cá nhân sở hữu	15.300	0,05%
5	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên HĐQT	- Cổ phần đại diện Công ty cổ phần nước và môi trường Đồng Bằng	1.445.000	5,00%

Số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nắm giữ tại các công ty khác:

- Ông Đặng Tấn Chiến: Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân.

- Ông Nguyễn Tấn Phát: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Mang Thít.

- Ông Huỳnh Văn Nhân: Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần nhựa Tân Tiến; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đồng Bằng; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Tân.

#### 1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập các tiểu ban

#### 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

##### a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ%
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	8/8	100%
2	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT	8/8	100%
3	Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	8/8	100%
4	Lê Thị Quyên	Thành viên HĐQT	8/8	100%
5	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên HĐQT	8/8	100%



### b) Các nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT và ban hành các Nghị quyết và Quyết định như sau:

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	03/01/2018	♦ Thông qua chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu.
2	02/NQ-HĐQT	12/03/2018	♦ Thông qua việc tập triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và ngày đăng ký cuối cùng
3	03/NQ-HĐQT	10/04/2018	♦ Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
4	04/NQ-HĐQT	24/05/2018	♦ Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt
5	05/NQ-HĐQT	12/06/2018	♦ Thông qua việc chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.
6	06/NQ-HĐQT	02/07/2018	♦ Thông qua chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu.
7	07/NQ-HĐQT	05/10/2018	♦ Thông qua chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu.
8	08/NQ-HĐQT	03/11/2018	♦ Thông qua việc thuê nhân công ngoài thi công các công trình.
9	405 Quyết định phục vụ công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh năm 2018		

### c) Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc Công ty

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động. Tổng Giám đốc đã triển khai các biện pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

- Định kỳ, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.



- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

**e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có**

**f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty**

STT	Họ Tên	Chức vụ	Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	Không có
2	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT	Không có
3	Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	Không có
4	Lê Thị Quyến	Thành viên HĐQT	Không có
5	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên HĐQT	Không có

*(Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm)*

**2. Ban Kiểm soát**

**2.1 Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.**

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Lương Minh Triết	Trưởng Ban kiểm soát	- Cổ phần cá nhân sở hữu	15.000	0,052%
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	- Cổ phần cá nhân sở hữu	6.600	0,023%
3	Trần Thị Huỳnh Mai	Thành viên Ban kiểm soát	- Cổ phần cá nhân sở hữu	3.000	0,010%

**2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long. Thực hiện giám sát kiểm toán nội bộ, kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính quý, năm 2018 một cách thận trọng, chính xác, đảm bảo quyền lợi cổ đông.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người quản lý công ty chuyên trách**

**3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**



STT	Chỉ tiêu	Thù lao/Tiền lương			Tiền thưởng (đồng/năm)	Tổng cộng (đồng/năm)
		Số lượng thành viên (người/năm)	Bình quân (tháng/người)	Giá trị (đồng/năm)		
1	Thù lao thành viên HĐQT	4	4.500.000	216.000.000	-	216.000.000
2	Thù lao thành viên BKS	2	3.000.000	72.000.000	-	72.000.000
3	Người quản lý công ty chuyên trách (*)	6	38.600.000	2.779.200.000	347.400.000	3.126.600.000

(\*) Người quản lý công ty chuyên trách gồm: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Trưởng Ban kiểm soát, 01 Tổng giám đốc, 02 Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

♦ **Thù lao, tiền lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc năm 2018**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị (đồng/năm)	Ghi chú
1	Thù lao thành viên HĐQT	Đồng	54.000.000	
2	Tiền lương Tổng Giám đốc	Đồng	504.000.000	
3	Tiền Thưởng Tổng Giám đốc	Đồng	63.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>621.000.000</b>	

**3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có

**3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

STT	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch với Công ty	Nội dung giao dịch	Diễn giải
1	Công ty Cổ phần nước và Môi trường Cửu Long (MEWACO)	Mua nước sạch	- Ông Huỳnh Văn Nhân: TV.HĐQT Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long; - Ông Nguyễn Tấn Phát: TV.HĐQT Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long giữ chức TV.HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long; - Ông Lương Minh Triết: Trưởng BKS Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long giữ chức Trưởng BKS Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long.
2	Công ty Cổ phần nhựa Tân Tiến	Mua vật tư nhựa PVC chuyên ngành nước .	- Ông Huỳnh Văn Nhân: TV. HĐQT Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CP nhựa Tân Tiến.



## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**1. Ý kiến kiểm toán:** Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** (File đính kèm)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



**CHỦ TỊCH HĐQT**

**ĐẶNG TẤN CHIẾN**